

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 38/2020/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 9 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy B Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 82/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984; NĐKHKT: Bản U, xã Chiềng B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Chị Lò Thị D, sinh năm 1989; NĐKHKT: Bản T, xã Chiềng K, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Lò Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2006 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, K, huyện Mai Sơn vào ngày 13/11/2016.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do chị D không chăm sóc con cái thường xuyên bỏ nhà đi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đã nhiều lần dẫn đến xô xát ảnh hưởng đến sự phát triển, tình cảm của các con. Mặc dù đã được 02 gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng anh chị xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Sau thời gian ly thân, anh chị đều nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, không thể hàn gắn, mẫu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên thống nhất thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, anh T, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T, chị D.

[2] Về con chung: Anh T, chị D có 03 con chung là các cháu Hoàng Mạnh Đ, sinh ngày 01/8/2007 và cháu Hoàng Thùy C, sinh ngày 28/02/2010 và cháu Hoàng Việt Ch, sinh ngày 29/6/2014. Anh T, chị D thống nhất: Anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cả 03 cháu Đ, C, Ch cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh T, chị D tự nguyện thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Không có. Anh T, chị D tự nguyện thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: anh T nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Lò Thị D nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Mạnh Đ, sinh ngày 01/8/2007 và cháu Hoàng Thùy C, sinh ngày 28/02/2010 và cháu Hoàng Việt Ch, sinh ngày 29/6/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đức và cháu Chi và cháu Chí trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này theo quy định của Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung vợ chồng: Anh T, chị D không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Lò Văn T nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004213 ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được B hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã C, K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn la;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nông Văn Thịnh